

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HC-PT
Ngày: 26-12-2017
V/v: “*Khiếu kiện Quyết định
giải quyết khiếu nại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Ông Nguyễn Bá Nhật

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Phạm Văn Lợi
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2017/TLPT-HC ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc: “*Khiếu kiện quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N về việc giải quyết khiếu nại*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi bị kháng cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXXPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Bùi Quang L, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1975.

HKTT của ông Bùi Quang L: Tổ 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

HKTT của bà Nguyễn Thị Phương T: Tổ 3, phường N1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện nay Bà T đang tạm trú: Tại tổ 17, phường N1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ liên lạc với ông L, bà T: Số 172 đường Nguyễn Bá Loan, tổ 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N

Địa chỉ: Số 244 N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số 48, đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q.

Ông Phạm Tấn H ủy quyền cho ông Trần Thanh H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Quảng Ngãi, theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số 6638/QĐ-UBND ngày 5/9/2017.

2. Ủy ban nhân dân phường N1, thành phố Q

Địa chỉ: Số 244 N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N1, thành phố Q.

3. Chị Bùi Thị Thanh V, sinh năm 1996

4. Cháu Bùi Thanh U, sinh năm 2000

5. Cháu Bùi Minh Diệu A, sinh năm 2007

Người đại diện hợp pháp cho cháu U và cháu A: Ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T.

HKTT của bà Nguyễn Thị Phương T: Tổ 3, phường N1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Bà T tạm trú tại tổ 17, phường N1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. HKTT của ông Bùi Quang L: Tổ 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ liên lạc: Số 172 Nguyễn Bá Loan, tổ 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T, là người khởi kiện trong vụ án.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa: Ông L, bà T có mặt; ông Nguyễn Văn H, ông Trần Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Chị V vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/4/2017; người khởi kiện ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Do không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đường bờ Nam sông Trà Khúc của hộ ông Nguyễn Đức T (là cha bà T), trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Phương T. Bà Nguyễn Thị Phương T đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q yêu cầu giải quyết: “*kiểm tra vật kiến trúc, nhà vệ sinh, cống thoát nước, mái hiên nhà, tường giềng bơm và đề nghị bố trí một lô đất tái định cư theo quy định pháp luật*”. Tuy nhiên, yêu cầu của bà chưa được cơ quan có thẩm quyền xem xét để giải quyết. Vào ngày 22/9/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N đã cử lực lượng dân phòng, Công an phường N và các lực lượng khác đến bắt giữ chồng bà, chở hết đồ đạc, tài sản trong nhà và cho xe xúc, xe ủi đập nát san bằng nhà của ông, bà.

Do không đồng ý với hành vi trên của Ủy ban nhân dân phường N, ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T đã thực hiện việc khiếu nại đến Ủy ban nhân dân phường N để giải quyết.

Vào 24-01-2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại cho ông L, bà T.

Do không đồng ý với quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T khởi kiện ra Tòa án và yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N và xem xét hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N về việc chỉ huy các lực lượng đến đập nát, san bằng nhà ở và chuyển chở tài sản của ông L, bà T là đúng, hay sai.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N trình bày:

Hộ ông Nguyễn Đức T (cha của bà T) bị thu hồi hết diện tích đất đang ở, phải di chuyển chỗ ở. Hộ ông T được giao 01 lô đất tái định cư và hộ ông T đã thống nhất nhận 03 lô đất có thu tiền sử dụng đất cho các con của ông là: Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Kiều T và Nguyễn Thị Phương T. Hộ ông T và các con là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Kiều T đã thống nhất theo phương án được phê duyệt nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và nhận đất xây dựng nhà ở, bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thi công. Riêng bà Nguyễn Thị Phương T không thống nhất về việc bồi thường, hỗ trợ mà yêu cầu cấp thêm 01 lô đất tái định cư cho con gái bà, Ủy ban nhân dân (Sau đây viết là UBND) thành phố Q trả lời cụ thể tại Công văn số 2168/UBND, ngày 30/6/2017.

Thực hiện Thông báo số 229a/TB-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Q để đảm bảo an ninh trật tự thi công dự án đường bờ Nam sông Trà Khúc đối với hộ bà T. Căn cứ vào kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 07/9/2016 thay thế cho kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 22/8/2016 về việc tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh trật tự thi công dự án đường bờ Nam sông Trà Khúc. UBND phường Nghĩa C tổ chức buổi làm việc với hộ bà T, ông L để vận động tháo dỡ nhà cửa, vật kiến trúc, di dời vật dụng trước khi tổ chức lực lượng thực hiện theo kế hoạch nhưng hộ bà T, ông L không thống nhất.

Để đảm bảo an ninh trật tự thi công dự án đường bờ Nam sông Trà Khúc ngày 22/9/2016, UBND phường N phối hợp các lực lượng Phòng, ban của tỉnh, thành phố tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh theo đúng nội dung Kế hoạch, địa điểm tại hiện trường tổ 3, phường N, để đơn vị thi công tiến hành thi công dự án theo kế hoạch đề ra. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông L có hành vi chống đối lại lực lượng, cản trở không cho đơn vị thi công; Công an phường N đã mời ông L đến trụ sở để làm việc, vận động giải thích chứ không phải bắt giữ người. Về vật dụng trong ngôi nhà của bà T, thực hiện theo Kế hoạch đề ra thì lực lượng nhân công tiến hành di dời toàn bộ vật dụng của hộ bà T, ông L ra khỏi ngôi nhà, Tổ quản lý trật tự đô thị phường lập biên bản kiểm kê các vật dụng bàn giao cho bà T quản lý nhưng bà T không nhận, vì vậy UBND phường N tiến hành xác lập thủ tục kê biên tất cả các vật dụng, di chuyển đến nơi an toàn tạm bảo quản cho hộ bà T, ông L. Như vậy, việc UBND phường N phối hợp với các phòng ban của tỉnh, thành phố tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh trật tự thi công dự án đường bờ Nam sông Trà Khúc là đúng theo chức năng, nhiệm vụ và đúng theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố Q. Việc bà T, ông L cho rằng UBND phường N cưỡng chế gia đình bà là không đúng và đã

có đơn khiếu nại về hành vi tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh trật tự thi công dự án đường bờ Nam sông Trà Khúc. Ngày 24/01/2017, Chủ tịch UBND phường N ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại.

Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND phường N ban hành là đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo Luật khiếu nại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Q - Do ông Trần Thanh H là người được ủy quyền trình bày: Hộ bà Nguyễn Thị Phương T thuộc diện có tài sản trên đất bị thu hồi để thực hiện dự án đường bờ Nam sông Trà Khúc. Ngày 14/10/2015, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3966/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà T với tổng giá trị: 150.045.134 đồng và giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất với diện tích 108m². Ngày 20/4/2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 2578/QĐ-UBND bồi thường bổ sung cho hộ bà T với giá trị 6.205.669 đồng. Tuy nhiên hộ bà T không thống nhất và có đơn khiếu nại và đã được UBND thành phố Q trả lời tại Công văn số 2186/UBND ngày 30/6/2016.

Ngày 21/7/2016, Chủ tịch UBND thành phố Q tổ chức đối thoại với hộ bà T, với kết luận: *“Khắc định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập và phê duyệt cho hộ bà T là đúng theo quy định pháp luật..., yêu cầu chủ hộ chấp hành quyết định thu hồi đất, nhận tiền bồi thường tiến hành tháo dỡ tài sản, vật kiến trúc có trên đất bàn giao mặt bằng cho nhà nước trước ngày 10/8/2016... Sau thời gian trên hộ bà T không chấp hành giao UBND phường N phối hợp với Ban quản lý các dự án Đầu tư và xây dựng công trình giao thông và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực dự án đối với hộ bà T...”*.

Ngày 22/6/2016, UBND phường N có Tờ trình số 80/TTr-UBND về việc xin phê duyệt kế hoạch và hỗ trợ lực lượng phương tiện tham gia của Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 22/8/2016 của UBND phường N về việc tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh trật tự để thi công dự án đường bờ Nam sông Trà Khúc. Trên cơ sở Tờ trình và Kế hoạch của UBND phường N, ngày 29/8/2016, UBND thành phố đã ban hành Công văn số 3229/UBND về việc hỗ trợ lực lượng, phương tiện tham gia tổ chức lực lượng bảo vệ thi công dự án đường bờ Nam sông Trà Khúc, với nội dung: *“đề nghị các đơn vị Phòng Tài nguyên và Môi trường, Quản lý đô thị, Văn hóa thông tin, Bệnh viện đa khoa, Đội quản lý trật tự đô thị, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi hỗ trợ lực lượng, phương tiện tham gia cùng với lực lượng UBND phường N và các đơn vị liên quan để đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực thi công dự án đường bờ Nam sông Trà Khúc theo kế hoạch nêu trên”*.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường N: Tại Biên bản đối thoại ngày 8/9/2017, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường N trình bày thống nhất với ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N. Về trình tự, thủ tục giải quyết đơn khiếu nại của bà T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường đã thực hiện đúng quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thanh V: Không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Bùi Thanh Uy, cháu Bùi Minh Diệu Ái có người đại diện theo pháp luật là ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông L, bà T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 31, Điều 118, điểm b khoản 2 Điều 157, Điều 158, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 12, Điều 17, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Điều 59 Luật Tổ chức chính quyền địa phương

Căn cứ khoản 3 Điều 28 Luật đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T, ông Bùi Quang L về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND phường N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2017 và ngày 13/10/2017 người khởi kiện ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T kháng cáo bản án sơ thẩm: Yêu cầu hủy quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 của Chủ tịch UBND phường N và xem xét hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường N về việc chỉ huy các lực lượng đến đập nát, san bằng nhà ở và chuyển chở tài sản của ông L, bà T là đúng, hay sai.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ký Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 949/QĐ-VKS-HC, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, theo đơn đề nghị người bị kiện trình bày: Trong quá trình ban hành quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 để giải quyết khiếu nại của ông Bùi Quang L và bà Nguyễn Thị Phương T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường nghiên cứu chưa kỹ các văn bản liên quan, vì vậy Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xin rút lại toàn bộ Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông L, bà T vẫn giữ nguyên đơn nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, không chấp nhận việc rút quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 của Chủ tịch UBND phường N và yêu cầu Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo Luật định.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tổ tụng hành chính; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa, người bị kiện đã có văn bản xin rút lại quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 về việc giải quyết khiếu nại nhưng người khởi kiện ông L, bà T không đồng ý việc rút quyết định của người bị kiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 235 Luật tổ tụng hành chính.

Về kháng cáo của ông Bùi Quang L và bà Nguyễn Thị Phương T, còn trong thời hạn luật định. Về nội dung kháng cáo, để thực hiện dự án đường bờ Nam Trà Khúc thành phố Quảng Ngãi, ngày 14-10-2015 UBND thành phố Q có quyết định số 3966/QĐ-UBND và quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 về việc bồi thường, hỗ trợ công trình vật kiến trúc cho hộ bà T, tuy nhiên hộ bà T không đồng ý và có đơn khiếu nại. Thực hiện Thông báo số 229a/TB-UBND ngày 01-8-2016, Chủ tịch UBND phường N đã lập kế hoạch số 71, số 77/KH-UBND về việc tổ chức lực lượng, đảm bảo an ninh trật tự để thi công dự án nói trên. Ngày 14-9-2016, Chủ tịch UBND phường có Công văn số 145/UBND di dời đến ngày 22-9-2016, tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh trật tự thi công. Sau khi vận động yêu cầu bà T di chuyển toàn bộ vật dụng ra khỏi khu vực thi công, bà T không đồng ý, nên đơn vị thi công cho nhân công, di dời vật dụng, UBND phường lập biên bản kiểm kê vật dụng, tháo dỡ nhà của hộ bà T, san lấp mặt bằng để thực hiện dự án. Việc tháo dỡ nhà cửa, vật kiến trúc của nhà ông L, bà T là hình thức cưỡng chế để thu hồi đất, nhưng không có quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền và không có quyết định thành lập ban cưỡng chế là không đúng quy định theo Luật đất đai năm 2013; Luật nhà ở năm 2014. Do đó, việc kháng cáo của ông L, bà T là có căn cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị số 949/QĐ-VKS-HC ngày 30-10-2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, hủy bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 30-9-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, vì bản án hành chính của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi không đưa ông Nguyễn Đức T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm tố tụng theo khoản 10 Điều 3 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Về nội dung của bản án: Việc ban hành kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 22-8-2016 và số 77/KH-UBND ngày 07-9-2016 của Chủ tịch UBND phường N tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh trật tự thi công dự án là không đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 14 quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05-3-2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Chưa có quyết định cưỡng chế của Chủ tịch UBND thành phố, chưa thành lập ban cưỡng chế đã tiến hành đập phá nhà của ông L, bà T là trái với quy định tại Điều 71 Luật đất đai 2013; khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014; khoản 3 Điều 92; Điều 95 Luật Nhà ở năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, người bị kiện là Chủ tịch UBND phường N rút toàn bộ Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017, về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T, nhưng người khởi kiện không đồng ý việc rút quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án là quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Phương T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về thẩm quyền theo Điều 32 Luật tố tụng Hành chính, ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 của Chủ tịch UBND phường N là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 24-01-2017 Chủ tịch UBND phường N ban hành quyết định số 05/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với hộ bà Nguyễn Thị Phương T. Ngày 10-2-2017, ông L, bà T khởi kiện quyết định số 05/QĐ-UBND ra Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, căn cứ quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo luật định.

Về nội dung:

[4] Xét tính hợp pháp của quyết định:

Về hình thức của quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 được ban hành là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật tại các Điều 17; Điều 31 Luật khiếu nại 2011 và Điều 5 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31-10-2013 quy định về quy trình giải quyết khiếu nại.

Về nội dung của quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

-Về căn cứ pháp luật để ban hành quyết định số 05/QĐ-UBND: Bà Nguyễn Thị Phương T, ông Bùi Quang L có 05 đơn khiếu nại (từ bút lục 376-381), nội dung đều khiếu nại: *“Hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N đã cử các lực lượng của UBND phường đến bắt giữ người, lấy đồ đạc trong nhà và đập nát sàn bằng nhà vào ngày 22-9-2016”*, nhưng Chủ tịch UBND phường N đã căn cứ vào các quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05-3-2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; quyết định số 3966/QĐ-UBND ngày 14-10-2015 và quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 19-4-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ bà T...để giải quyết khiếu nại của bà T, ông L là không đúng pháp luật, vì bà T, ông L không khiếu nại việc bồi thường tại 05 đơn khiếu nại này.

Mặt khác, tại các đơn khiếu nại của bà T, ông L đều khiếu nại với nội dung *“Hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N đã cử các lực lượng của UBND phường đến bắt giữ người, lấy đồ đạc trong nhà và đập nát sàn bằng nhà vào ngày 22-9-2016”* nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N khi thụ lý

khieu nại, lại thụ lý với nội dung “*về hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường N trong việc tổ chức lực lượng thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông L, bà T*” (bút lục 173).

Đồng thời tại trang tư, phần nội dung của quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2017, Chủ tịch UBND phường N đã nhận định “*việc bà Nguyễn Thị Phương T cho rằng UBND phường cưỡng chế gia đình bà là không đúng vì vợ chồng ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T không thuộc đối tượng thu hồi đất*”, nhưng ông L, bà T không khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N việc thu hồi đất.

Khi thụ lý khiếu nại của ông L, bà T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N không thụ lý nội dung ông L, bà T đã khiếu nại nhưng đến phần quyết định tại Điều 1 của Quyết định số 05/QĐ-UBND lại ghi “*bác nội dung khiếu nại của vợ chồng ông Luyện, bà T về việc khiếu nại Chủ tịch UBND phường N chỉ huy lực lượng đến bắt giữ người, lấy đồ đạc trong nhà và đập phá tài sản của ông, bà*”.

Ông L, bà T là người ký tên trong 5 đơn khiếu nại nhưng khi giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND phường Nghĩa Chánh lại xác định giải quyết khiếu nại của cả hộ gia đình bà T là không chính xác, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 31 Luật Khiếu nại.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND phường N thụ lý nội dung khiếu nại để giải quyết khiếu nại, viện dẫn căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại, xác định người khiếu nại, Quyết định bác đơn khiếu nại trong Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 để giải quyết khiếu nại của ông L, bà T đã có nhiều mâu thuẫn, như phân tích trên.

- Theo nội dung trong Đơn đề nghị đề ngày 19-12-2017 của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, có nội dung người bị kiện đã thấy được một số thiếu sót khi ban hành quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 để giải quyết khiếu nại cho vợ chồng ông L, bà T nên xin rút lại toàn bộ quyết định số 05/QĐ-UBND. Do đó, nội dung kháng cáo của Ông L, bà T yêu cầu hủy quyết định số 05/QĐ-UBND là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông L, bà T về việc yêu cầu Tòa án xem xét “*Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường N về việc chỉ huy các lực lượng đến đập nát, san bằng nhà ở và chuyển chở tài sản của ông L, bà T là đúng, hay sai*”. Xét yêu cầu và nội dung kháng cáo này của ông L, bà T Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, hành vi hành chính của người có thẩm quyền khi đã bị khiếu nại và được người có thẩm quyền thụ lý, giải quyết khiếu nại, sau đó ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, thì đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là quyết định giải quyết khiếu nại, khi có yêu cầu xem xét đối với hành vi mà đã được giải quyết bằng một Quyết định hành chính, thì Tòa án chỉ thụ lý, xét xử đối với Quyết định giải quyết khiếu nại về hành vi hành chính đó, bởi Điều 3, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính quy định “*Hành vi của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền..., tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo qui định pháp luật*”; “*hành vi đó làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân*” và thẩm

quyền của Hội đồng xét xử “ *Xem xét tính hợp pháp của... hành vi hành chính; tuyên bố hành vi hành chính là trái pháp luật; buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền cơ quan nhà nước chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật*”. Do đó, đối với yêu cầu Tòa án xem xét hành vi, hành chính của Chủ tịch UBND phường N đúng hay sai, sau khi đã có quyết định giải quyết khiếu nại về hành vi hành chính số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017, thì Tòa án không thụ lý và không xem xét là đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính.

[6] Người bị kiện rút toàn bộ quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 về việc giải quyết khiếu nại đối với ông L, bà T nhưng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị số 949/QĐ-VKS-HC ngày 30-10-2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi vì các lý do sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm không đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung: Việc ban hành các kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 22-8-2016; kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 07-9-2016 của Chủ tịch UBND phường N là không đúng, vì theo thông báo số 229a/TB-UBND ngày 01-8-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q giao cho UBND phường N phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức lực lượng bảo đảm an ninh trật tự tại khu vực dự án đối với hộ bà T. Báo cáo kết quả trước ngày 22-8-2016, nhưng kế hoạch số 71, số 77 thực hiện sau ngày 22-8-2016 nhưng không có văn bản gia hạn thời gian thực hiện tiếp theo của Chủ tịch UBND thành phố Q.

Về thẩm quyền ban hành kế hoạch tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh trật tự khu vực thi công dự án đối với hộ bà T. Theo quy định tại Điều 44 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 5-3-2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, không quy định trách nhiệm của UBND cấp xã, thì không quy định cho cấp xã lập kế hoạch tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh trật tự để thi công dự án. Kế hoạch 77/KH –UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh trật tự để thi công dự án. Nhưng các thành viên đã tiến hành cưỡng chế tài sản, đập phá nhà của ông L, bà T, trong khi chưa có quyết định cưỡng chế của Chủ tịch UBND thành phố Q là trái với quy định tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014; khoản 3 Điều 92, Điều 95 Luật nhà ở năm 2014.

Xét quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Ông Nguyễn Đức T là cha của bà Nguyễn Thị Phương T, tại đơn xin xác nhận ngày 6-4-2005 của bà T và ông T, được UBND phường N xác nhận ngày 8-4-2005, ông T chỉ cho bà T một căn phòng 5x7m để sinh hoạt riêng. Theo nội dung trong đơn, bà T không được ông T cho quyền sử dụng đất, nên khi UBND thành phố Q thu hồi đất để thực hiện dự án đường bờ Nam sông Trà Khúc, UBND thành phố thu hồi đất của hộ ông T, tại Quyết định số 6153/QĐ-UBND ngày 26-12-2014 (BL 387); Hộ bà T là đối tượng được bồi thường về tài sản là vật kiến trúc công trình trên đất, tại

Quyết định số 3966/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 và Quyết định 2578/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 (BL 31,32) của UBND thành phố Q. Giữa bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Đức T không có tranh chấp về diện tích đất bồi thường, đồng thời bà T không tranh chấp số tiền bồi thường và tại sao UBND thành phố chỉ bồi thường giá trị đất bị thu hồi cho ông T mà không bồi thường giá trị đất cho bà. Bà T; ông L chỉ khiếu nại yêu cầu UBND thành phố Q cấp đất tái định cư thêm cho con gái của ông, bà là cháu V 01 thửa đất, bồi thường giá trị hầm cầu. Mặt khác, đây là vụ án hành chính được thụ lý trên cơ sở bà Nguyễn Thị Phương T, ông Bùi Quang L khởi kiện về Quyết định giải quyết khiếu nại số 05/QĐ-UBND và yêu cầu xem xét hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường N về việc đập phá, thu dọn, bắt giữ người đúng hay sai, nên yêu cầu khởi kiện của bà T, ông L không liên quan và cũng không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đức T, vậy ông T không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án hành chính này. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Đức T vào tham gia tố tụng trong vụ án là hoàn toàn đúng pháp luật.

Về nội dung trong Quyết định kháng nghị, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông L, bà T khởi kiện quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 của Chủ tịch UBND phường N ra Tòa án và yêu cầu xem xét “*Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường N về việc chỉ huy các lực lượng đến đập nát, san bằng nhà ở và chuyển chỗ tài sản của ông L, bà T là đúng, hay sai*”, như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện là hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017, và tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N đã xin rút Quyết định số 05/QĐ-UB vậy đối tượng cần phải xem xét, giải quyết khi bà T, ông L khởi kiện đã không còn, trường hợp hủy án giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại như nhận định của Viện trưởng Viện kiểm sát trong Quyết định kháng nghị là không cần thiết, mặt khác hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường N là sai, trái với quy định pháp luật thì đề nghị hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 mới đúng quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng là không đưa ông T vào tham gia tố tụng. Do đó, kháng nghị số 949/QĐ-VKS-HC ngày 30-10-2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí hành chính sơ thẩm*: Ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm.

[7.1] Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T

- Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 949/QĐ-VKS-HC ngày 30-10-2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T

- Hủy toàn bộ quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24-01-2017 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại đối với hộ ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T.

2. Về án phí hành chính:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

- Ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho ông Bùi Quang L, bà Nguyễn Thị Phương T đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004673 ngày 9/5/2017 và Biên lai số AA/2014/0001742 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi
- TAND TP Quảng Ngãi
- VKSND TP Quảng Ngãi
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi
- UBND TP Quảng Ngãi
- Các Đương sự
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Phương